TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày: 14-02-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Thanh Tâm; ông Nguyễn Nam Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2020/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 31/01/2020 đối với bị cáo:

Phạm Xuân T; Giới tính: Nam; sinh ngày 28/4/1980; nơi sinh: huyện V, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Phạm Văn G, sinh năm 1950 (được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất) và con bà: Hoàng Thị D, sinh năm 1952; có vợ là: Đỗ Thị M, sinh năm 1989, có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2018; gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba. Tiền án: Bản án số 51/2017/HSST ngày 02/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2017, đã chấp hành xong án phạt tù ngày 12/5/2019. Tiền sự: Không. Nhân thân: Từ tháng 9/1998 tham gia quân đội thuộc Bộ tư lệnh tăng thiết giáp, đến tháng 8/2006 xuất ngũ về địa phương. + Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 26, ngày 15/4/2012, Phòng PC47, Công an tỉnh Thái Bình, hình thức xử phạt: cảnh cáo. + Quyết

định số 2042/QĐ-UBND ngày 27/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình quyết định đưa người vào cơ sở giáo dục trong thời hạn 24 tháng, lý do: Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong ngày 27/7/2014. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/11/2019 đến ngày 11/11/2019 chuyển tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh Thái Bình, bị cáo bị trích xuất có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Phạm Văn G, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- *Người chứng kiến*:

1. Ông Phạm Duy S, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 17, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Tăng Đình C, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 33, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 08/11/2019, bị cáo Phạm Xuân T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển số 17B1-205.85 từ nhà đến khu vực ngõ 02, đường H, tổ 50, phường Q, thành phố T với mục đích mua ma túy để sử dụng. Tại đây, bị cáo T gặp và mua của một người nam giới khoảng 25 tuổi không biết tên và địa chỉ được 01 gói ma túy bên ngoài được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ với giá 200.000 đồng. Bị cáo T cầm gói ma túy vừa mua được ở trong lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe máy đi tìm chỗ vắng để sử dụng. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi bị cáo T đi đến khu vực ngõ 02, đường C, tổ 49, phường Q, thành phố T thì bị tổ công tác của Công an phường Q, thành phố T phát hiện, yêu cầu bị cáo T dừng lại để kiểm tra. Khi kiểm tra trước sự chứng kiến của ông Phạm Duy S và ông Tăng Đình C bị cáo T tự giác giao nộp cho tổ công tác 01 gói bên ngoài được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, mở kiểm tra bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục. Tổ công tác yêu cầu bị cáo T đưa xe máy và mời người chứng kiến về trụ sở Công an phường Q, thành phố T để tiến hành làm việc. Tại đây, tổ công tác tiến hành kiểm tra người bị cáo, thu tại túi quần hậu bên phải bị cáo đang mặc 01 ví giả da, bên trong có số tiền 12.000 đồng và quản lý 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave,

biển số 17B1-205.85. Sau đó tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, và biên bản quản lý phương tiện.

Tại bản kết luận giám định số 415/KLGĐ-PC09, ngày 09/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Vật chứng thu giữ của Phạm Xuân T gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng **0,1425 gam** (*không phẩy một nghìn bốn trăm hai mươi lăm gam).*

Cáo trạng số 16/CT-VKSTPTB ngày 15/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Phạm Xuân T về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; điều 38; điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của bị cáo còn lại sau giám định.

+ Trả lại bị cáo 01 chiếc ví giả da màu nâu, đã cũ và số tiền 12.000 đồng nhưng tiếp tục quảm lý để bảo đảm thi hành án.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ điều 331, điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố, không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà, bị cáo Phạm Xuân T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bởi các chứng cứ khác như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 10 giờ 45 phút ngày 08/11/2019 tại trụ sở Công an phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình (bút lục số 03, 04); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (bút lục số 05); bản Kết luận giám định số 415/KLGĐ – PC09 ngày 09/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số 11); lời khai của những người chứng kiến là ông Phạm Duy S và ông Tăng Đình C (bút lục số 41 đến 50); lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn G (bút lục số 51, 52). Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 08/11/2019, tại khu vực ngõ 02, đường C, tổ 49, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình, bị cáo Phạm Xuân T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,1425 gam Heroine để sử dụng cho bản thân thì bị Công an phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình bắt quả tang.Vì vậy, bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 249 Bộ luật Hình sự tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định: *"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) ...c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...5. Người*

phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

[3] Xét tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma tuý đã gây ra những tác hại khôn lường cho sức khoẻ, trí tuệ, nhân cách và nòi giống con người, ma tuý còn gây ra biết bao hiểm hoạ nghiêm trọng khác cho xã hội, là nguồn gốc phát sinh hàng loạt các loại tội phạm, là tác nhân lan truyền đại dịch thế kỷ HIV-AIDS, là yếu tố phá vỡ hạnh phúc biết bao gia đình có người nghiện…Tội phạm mà bị cáo đã thực hiện là tội phạm nghiêm trọng, vì vậy, Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội. Do bị cáo có việc làm và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo Phạm Xuân T có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu thể hiện bằng việc bị cáo đã 01 lần bị xử phạt hành chính, 01 lần bị áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục. Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; bố đẻ bị cáo là bệnh binh, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nguồn gốc số ma tuý: Bị cáo Thăng khai mua của một người nam giới khoảng 25 tuổi không biết tên và địa chỉ tại khu vực ngõ 2, đường C, tổ 50, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển số 17B1-205.85, qua điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Phạm Văn G, là bố đẻ của bị cáo T. Ngày 08/11/2019, ông G cho bị cáo T mượn xe nhưng không biết mục đích bị cáo sử dụng để đi mua ma túy. Ngày

29/11/2019, ông G có đơn xin lại tài sản. Ngày 17/12/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe trên cho ông G. Ông G đã nhận lại chiếc xe trên trong tình trạng còn nguyên vẹn và không có ý kiến gì nên chấp nhận và không đặt ra giải quyết.

[6.2] Số ma tuý thu giữ của bị cáo được hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và căn cứ vào điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[6.3] Đối với 01 chiếc ví màu nâu, đã cũ và số tiền 12.000 đồng thu giữ của bị cáo, xét thấy những tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và căn cứ vào điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; điều 38; điều 50; điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106; điều 135; điều 136; điều 331; điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự; điều 21; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2019.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy số ma tuý thu giữ của bị cáo được hoàn lại sau giám định niêm phong trong 01 phong bì, bên trong có chứa chất ma túy, bên ngoài ghi "số 415/KLGĐ-PC09, mẫu vật hoàn trả sau giám định".

3.2. Trả lại bị cáo Phạm Xuân T 01 chiếc ví giả da màu nâu, đã cũ và số tiền 12.000 đồng nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án.

(Các vật chứng nêu trên Cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố T ngày 15/01/2020).

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Xuân T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo Phạm Xuân T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 14/02/2020; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- CQ Điều tra CATP.T;
- CQTHAHS CATP.T;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thái